

LÃI SUẤT TRONG TRANH CHẤP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN TỪ TÒA ÁN VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

ThS. Lương Khải Ân
Đoàn Luật sư TP.HCM

Tóm tắt: Thời gian qua Chính phủ thực hiện hàng loạt chính sách vĩ mô để kiềm chế lạm phát. Các chính sách đó đã được các tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện triệt để. Đáng lưu ý là xử lý nợ xấu, nợ quá hạn thông qua con đường tòa án được xem như giải pháp có hiệu quả cao trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay nhằm sớm thu hồi và bảo toàn vốn vay của các TCTD. Qua thực tiễn công tác và nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật, tác giả mong muốn nêu lên thực tiễn áp dụng pháp luật và những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng (TDNH).

Từ khóa: Tranh chấp lãi suất, tín dụng ngân hàng.

Đặt vấn đề

Nhằm giảm tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn, tránh nguy cơ gây mất an toàn trong hoạt động TDNH, các TCTD đã thực hiện hàng loạt giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro, siết chặt tín dụng. Trong đó đáng lưu ý là giải pháp xử lý nợ thông qua việc vận dụng pháp luật tố tụng dân sự tại các cấp tòa án. Theo thống kê của Tòa án Nhân dân (TAND) Tp. Hồ Chí Minh, trong năm 2010 tranh chấp tín dụng là 2.980 vụ, chiếm hơn 50% tổng số án kinh doanh, thương mại đã được thụ lý (TAND Tp. Hồ Chí Minh, 2011). Bên cạnh đó, ngày 18/5/2010 Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức hội thảo chuyên đề “Một số bài học cơ bản rút ra từ bản án về tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Hội thảo với sự tham gia của đại diện các cơ quan ban ngành, các TCTD, đã có nhiều tham luận bổ ích về công tác giải quyết tranh chấp HĐTD và rút ra những bài học trong công tác thẩm định, cho vay, hạn chế rủi ro... Qua thực tiễn công tác tại tòa án, tác giả thấy vẫn còn nhiều lỗ hổng pháp lý về thẩm quyền xét xử của các cấp tòa án, xử lý tài sản bảo đảm, áp dụng đúng quy định về lãi suất... khi giải quyết tranh chấp TDNH (Lương Khải Ân, 2011, trang 107-118)

cần sớm có văn bản pháp luật hướng dẫn bổ sung. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả không có tham vọng nghiên cứu vấn đề một cách toàn diện mà chỉ khái quát thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất để giải quyết tranh chấp TDNH tại các cấp tòa án hiện nay.

Pháp luật về lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng qua các thời kỳ

Bộ Luật Dân sự (BLDS) có quy định về lãi suất nhưng khái niệm chưa được cụ thể. Thông thường, lãi suất được hiểu là tỷ lệ của tổng số tiền phải trả so với tiền vay trong khoảng thời gian nhất định. Lãi suất được quy định rộng rãi trong nhiều quan hệ như vay mượn, phạt do chậm thi hành bản án, quyết định của tòa án, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán thương mại... Trong lĩnh vực TDNH, lãi suất được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sử dụng như là công cụ để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Các TCTD khi cấp tín dụng đều thỏa thuận với khách hàng một mức lãi suất phù hợp với chính sách lãi suất trong từng thời kỳ và được xem là điều khoản cơ bản trong HĐTD, làm cơ sở cho việc thực hiện và giải quyết tranh chấp sau này.

Theo tác giả, phần lớn tranh chấp TDNH đều có liên quan đến lãi suất bởi tính đặc thù của nó trong quan hệ pháp luật TDNH. Do đó hiểu và vận dụng đúng quy định của pháp luật về lãi suất là yêu cầu cần thiết đối với những người làm công tác xét xử. Trong đó, lãi suất cơ bản được hiểu là lãi suất do NHNN công bố trong từng giai đoạn cụ thể, làm cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh, có tác dụng định hướng và điều tiết thị trường nội tệ liên ngân hàng. Hiện nay, mức lãi suất cơ bản là 9%/ năm (Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc NHNN). Lãi suất cho vay là lãi suất được các bên thỏa thuận và ghi trong các HĐTD phù hợp quy định của pháp luật. Khi đến kỳ hạn trả nợ nếu khách hàng vay không trả đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ vay hoặc không được gia hạn nợ thì TCTD chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn trước đây được tính bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (Khoản 2, Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN).

BLDS trước đây cũng như hiện nay đều quy định về lãi suất và các giao dịch liên quan đến lãi suất trong chế định hợp đồng vay tài sản. Điều này tạo thuận lợi cho việc thực hiện và giải quyết khi có tranh chấp, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi. Đối với lĩnh vực TDNH, quy định về lãi suất dựa trên những cơ sở quy định của pháp luật dân sự có sự điều chỉnh phù hợp với đặc thù của ngành. Vì vậy, để tránh chồng chéo khi áp dụng, theo tác giả, tòa án cần xác định quan hệ tranh chấp thuộc lĩnh vực TDNH hoặc ngoài lĩnh vực này, đồng thời áp dụng luật chuyên ngành để giải quyết; trường hợp luật chuyên ngành không quy định thì áp dụng BLDS với tính cách là luật chung để giải quyết.

Theo BLDS năm 1995, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do NHNN quy định đối với loại cho vay tương ứng (Điều 473). Vào

thời điểm này, NHNN điều hành các mức lãi suất trần theo thời hạn cho vay và khống chế chênh lệch giữa lãi suất cho vay với lãi suất huy động vốn, đồng thời tự do hóa lãi suất huy động thay thế cho khung lãi suất tối thiểu về tiền gửi và tối đa về tiền vay trước đó. Đến tháng 01/1998, quy định chênh lệch lãi suất được xóa bỏ chỉ giữ lại quy định trần lãi suất cho vay và thay thế bằng cơ chế lãi suất với một mức cơ bản kèm theo biên độ dao động theo Quyết định 241/2000/QĐ-NHNN ngày 02/8/2000 của Thống đốc NHNN.

Từ tháng 6/2002 đến tháng 5/2008, cơ chế lãi suất thỏa thuận được áp dụng cho hoạt động tín dụng đối với VND theo Quyết định 546/2002/QĐ-NHNN ngày 30/5/2002 của NHNN. Đây là cơ chế lãi suất được hình thành theo cung cầu vốn thị trường và mức độ tín nhiệm đối với khách hàng, giúp cho các TCTD linh hoạt và tự chủ hơn trong hoạt động kinh doanh và khi giải quyết tranh chấp.

BLDS năm 2005 hiện hành đã thay đổi quy định về lãi suất. Khoản 1, Điều 476 BLDS năm 2005 quy định như sau: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố đối với loại vay tương ứng”. Song khi đó, ngành ngân hàng vẫn vận dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận theo Quyết định 546 đang phát huy tác dụng tích cực. Nhưng Khoản 2, Điều 80 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 1996 (sau đó đã được đổi thành Khoản 2, Điều 83 Luật VBQPPL năm 2008) quy định rằng trong trường hợp các VBQPPL có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Chính vì thế nên nhiều ý kiến cho rằng cần sửa đổi Điều 476 của BLDS năm 2005 theo cơ chế lãi suất thị trường (lãi suất thỏa thuận, tự do hóa lãi suất) để vừa phù hợp với tình hình thực tế vừa có thể áp dụng theo quy định của Khoản 2, Điều 83 Luật ban hành VBQPPL năm 2008. Bên cạnh đó cũng có ý kiến cho rằng cần lấy mức lãi suất do NHNN công bố làm tiêu chuẩn để quy định cách tính lãi suất trong quan hệ vay

tài sản và được quy định cụ thể trong BLDS, tạo điều kiện cho tòa án trong quá trình xét xử, đồng thời để bảo đảm sự phù hợp và đồng bộ với các quy định khác trong hệ thống pháp luật (Trần Văn Biên, 2005, trang 43).

Để phù hợp với Điều 476 BLDS năm 2005, Luật NHNN và tình hình kinh tế lạm phát lúc bấy giờ, từ ngày 16/5/2008 đến tháng 4/2010, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN (Quyết định 16) quy định cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng VND (thay thế Quyết định 546), theo đó các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động, lãi suất cho vay) bằng VND đối với khách hàng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố để áp dụng trong từng thời kỳ và định kỳ hàng tháng; đồng thời NHNN công bố lãi suất cơ bản, điều chỉnh kịp thời trong trường hợp cần thiết (Điều 1, 2 Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 của Thống đốc NHNN).

Thực tiễn vận dụng cho thấy Quyết định 16 thiếu tính định hướng chiến lược, cơ chế trần lãi suất cho vay và trần lãi suất huy động không phù hợp với các đối tượng khách hàng khác nhau, các TCTD có mức độ tín nhiệm khác nhau. Ngay sau khi Quyết định 16 ban hành, lãi suất cơ bản và lãi suất cho vay có sự tăng giảm đột biến gây khó khăn cho các TCTD khi thực hiện các HĐTD. Để khắc phục tình trạng trên, ngày 26/02/2010, NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư 07/2010/TT-NHNN (sau đó đã được đổi thành Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010) quy định cơ chế lãi suất thỏa thuận nhằm đảm bảo ổn định hoạt động của thị trường tiền tệ; đáp ứng tăng vốn cho các nhu cầu hợp lý, chính đáng của nền kinh tế. Cơ chế này cũng được quy định trong Luật các TCTD năm 2010 tại Điều 91 theo hướng các TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống TCTD, NHNN có quyền quy định cách xác

định phí, lãi suất. Điều này đã tạo cơ chế mới trong việc xác định lãi suất, đồng thời đảm bảo sự quản lý của nhà nước. Tuy nhiên, cơ chế này hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể.

Thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất giải quyết những tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng tại tòa án hiện nay và những đề xuất điều chỉnh

Pháp luật về lãi suất đối với nợ quá hạn

HĐTD được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức, điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường, không ít khách hàng vi phạm cam kết và thỏa thuận, không thanh toán nợ vay đến hạn. Tùy vào từng trường hợp, các TCTD đánh giá khả năng trả nợ và xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ với thời gian phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng. Nếu hết thời hạn được điều chỉnh hoặc gia hạn mà khách hàng không trả được nợ thì các TCTD chuyển nợ gốc sang nợ vay quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn để xử lý phù hợp theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627. Quy chế trên cho phép các TCTD áp dụng mức lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn do TCTD ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong HĐTD nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong HĐTD. Do vậy khi giải quyết tranh chấp, tòa án chấp nhận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay để buộc bên vay vốn, bên bảo lãnh phải trả nợ cho các TCTD đối với tranh chấp xảy ra trước khi BLDS năm 2005 có hiệu lực.

Theo Khoản 5, Điều 474, BLDS năm 2005: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì

bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Vận dụng quy định trên hiện có nhiều ý kiến khác nhau về cách tính lãi nợ quá hạn, có ý kiến cho rằng lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đối với nợ trong hạn, cũng có ý kiến cho rằng lãi nợ quá hạn trong trường hợp này phải là lãi suất cơ bản do NHNN công bố và chỉ áp dụng lãi suất cơ bản đối với khoản nợ quá hạn. Theo tác giả, tiền lãi nợ quá hạn trong trường hợp này được tính trên số tiền vốn trong hạn, kể từ thời điểm quá hạn cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, nhưng áp dụng lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm này. Như vậy, đối với những trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ nợ đến hạn, bên đi vay hoặc bên bảo lãnh phải trả khoản tiền lãi bằng lãi trong hạn cộng với lãi quá hạn; lãi trong hạn được tính trên dư nợ gốc thực tế giải ngân và theo lãi suất cho vay trong hạn theo quy định trong HĐTD; lãi suất trên dư nợ gốc thực tế quá hạn được tính theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Thực tiễn cho thấy quy định lãi suất quá hạn theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627 hiện nay vẫn chưa được ngành ngân hàng sửa đổi bổ sung, khi xảy ra tranh chấp các TCTD dựa trên thỏa thuận về lãi suất quá hạn ghi trong hợp đồng để yêu cầu tòa án giải quyết. Về phía tòa án, do bên vay vốn, bên bảo lãnh không có yêu cầu xem xét nên thông thường tòa án chấp nhận lãi suất quá hạn theo cách tính của các TCTD dẫn đến nhiều ý kiến cho rằng phải tính lãi suất quá hạn theo cách tính như đã nêu trên. Do đó, khi giải quyết tranh chấp án TDNH tòa án áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định 1627 là không đúng với Khoản 5, Điều 474, BLDS năm 2005 và Điều 2 Luật ban hành VBQPPL năm 2008 (Quy chế cho vay không nằm trong hệ thống các VBQPPL) sẽ gây thiệt hại cho bên đi vay. Vì vậy, ngành tòa án cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn

cách tính lãi suất quá hạn theo quy định của BLDS hiện hành.

Thực tế vận dụng các VBQPPL trong xử lý lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất khi giải quyết tranh chấp

Khoản 2, Điều 1 Quyết định 16 quy định: “Định kỳ hàng tháng, NHNN công bố lãi suất cơ bản. Trong trường hợp cần thiết, NHNN công bố điều chỉnh kịp thời lãi suất cơ bản”. Quyết định trên có hiệu lực từ ngày 19/5/2008, đây là giai đoạn nền kinh tế bước đầu hồi phục, tình hình kiểm chế lạm phát trong nước có chuyển biến tích cực; NHNN ban hành hàng loạt các quyết định giảm lãi suất. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn chưa đầy 3 tháng từ ngày 01/10/2008 đến ngày 22/12/2008, NHNN công bố 6 mức lãi suất cơ bản khác nhau từ 14%/năm xuống 13%; 12%; 11% rồi 8.5%/năm. Do đó, đối với các hợp đồng đã được ký kết trong giai đoạn này dù đã giải ngân hoặc chưa giải ngân đều phải điều chỉnh lại lãi suất cho vay nếu như thỏa thuận trước hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng trái với quy định tại Khoản 1, Điều 1, Quyết định 16: “Các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động, lãi suất cho vay) bằng VND đối với khách hàng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do NHNN công bố để áp dụng trong từng thời kỳ”. Bên cạnh đó, đối với tín dụng ngoài lĩnh vực ngân hàng cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những tác động trên. Quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản ngoài TDNH và trong xử lý hình sự đều dựa trên lãi suất cơ bản do NHNN công bố. Việc thay đổi liên tục cơ chế và mức lãi suất cơ bản vô hình trung làm vô hiệu hóa các giao dịch dân sự hoặc hình sự hóa các giao dịch dân sự đúng pháp luật trước đó (pháp luật hiện hành quy định tội phạm cho vay nặng lãi đối với trường hợp cho vay với lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên và có tính chất chuyên bóc lột).

Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của NHNN cho phép các TCTD cho vay bằng

VND đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Vì vậy, khi giải quyết tranh chấp TDNH, những người làm công tác xét xử không chỉ căn cứ thỏa thuận của các đương sự về lãi suất cho vay, lãi quá hạn và phí chậm trả lãi... mà còn phải đối chiếu quy định của pháp luật lãi suất từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo nguyên tắc “VBQPPL được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực...” (Khoản 1, Điều 83 Luật ban hành VBQPPL năm 2008). Đối với những trường hợp các TCTD đã thu lãi vượt quá mức pháp luật quy định thì phải xem xét trừ vào nợ gốc cho phù hợp. Trước đây, TAND tối cao đã xây dựng Sổ tay thẩm phán hướng dẫn cách tính lãi suất áp dụng cho các tranh chấp HĐTD giai đoạn từ ngày 19/5/2008 đến ngày 01/3/2009. Theo tác giả hướng dẫn trên không còn phù hợp với cách tính lãi suất theo cơ chế điều chỉnh lãi suất hiện nay, ngành tòa án cần kịp thời phải sửa đổi, bổ sung và tập huấn sâu rộng cho những người làm công tác xét xử về vấn đề này.

Về trường hợp vay không có lãi

Khi giải quyết tranh chấp TDNH, không ít trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất do quy định về lãi suất trong các HĐTD không rõ ràng. Ngành ngân hàng chưa có quy định cụ thể hướng xử lý đối với những trường hợp này. Theo Khoản 4, Điều 474, BLDS năm 2005 quy định: “Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận”. Quy định này có thể được hiểu là tiền lãi do sự chậm trả khi nào hai bên có thỏa thuận quá thời hạn vay không lãi mà bên vay không trả nợ thì bên vay phải chịu lãi, nếu trường hợp này xảy ra thì lãi suất áp dụng trong mọi trường hợp sẽ chỉ là lãi suất cơ bản do NHNN công bố. Theo tác giả, khi hợp đồng vay tài sản mà không có lãi,

đã quá hạn thì phải áp dụng Khoản 2, Điều 305, BLDS năm 2005 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự để giải quyết, vì trong trường hợp này trước đó giữa các bên có thỏa thuận hợp đồng cho vay có kỳ hạn và không có lãi, nếu khi đến hạn bên vay không trả (kể cả trong trường hợp không có thỏa thuận) cũng xem như vi phạm nghĩa vụ dân sự phải áp dụng lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời gian chậm trả.

Thêm vào đó, “tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ” phải được hiểu là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo sau ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền ghi trong hợp đồng vay tiền (nếu không được gia hạn nợ) hoặc ngày tiếp theo sau ngày hết hạn của thời hạn được gia hạn nợ nếu người vay vẫn chưa trả hết nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (TAND Tối cao, 2000).

Thỏa thuận phạt vi phạm chậm trả lãi và xác định tiền gốc để tính lãi suất quá hạn

Trong HĐTD các TCTD thường đưa các loại phí bên vay phải trả ngoài lãi suất cho vay như: phí định giá tài sản bảo đảm, phí gia hạn nợ, phí thẩm định cho vay, phí điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, phí chậm trả nợ lãi... Ngoài ra, bên vay còn phải thanh toán các loại phí phải trả cho người thứ ba như: phí công chứng hợp đồng bảo đảm, phí đăng ký thế chấp, phí trông giữ tài sản bảo đảm... Hiện nay, Điều 91, Luật Các TCTD năm 2010 cho phép các TCTD được tính phí cấp tín dụng. Đối với điều khoản phạt vi phạm chậm trả lãi lâu nay các TCTD vẫn áp dụng dưới hình thức phạt một lần theo tỉ lệ % trên số tiền lãi chậm trả (không cần biết thời gian chậm trả là bao lâu) hoặc phạt lãi trên lãi theo mức lãi suất riêng và thời gian chậm trả, có trường hợp nhập tiền lãi và tiền phạt (hoặc phí cấp tín dụng) vào nợ gốc tại thời điểm đến hạn trả nợ.

Ngành tòa án có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này: có ý kiến cho rằng cần cương quyết bác bỏ thỏa thuận trên ngay từ đầu vì luật chỉ

quy định tính lãi trên nợ gốc chứ không quy định việc tính lãi trên lãi, tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng nếu ngân hàng có yêu cầu và khách hàng không có ý kiến phản đối thì tòa án nên chấp nhận tính theo thỏa thuận phạt trong hợp đồng vì thỏa thuận đó không trái pháp luật. Theo tác giả, thỏa thuận phạt vi phạm chậm trả lãi hiện nay ngành ngân hàng cũng chưa có VBQPPL cấm thực hiện. Nếu áp dụng Điều 422, BLDS năm 2005: “Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.” thì thỏa thuận phạt vi phạm chậm trả lãi không trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mức phạt hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể, do đó ngành ngân hàng cần quy định mức phạt hợp lý để tránh lạm dụng. Đối với những trường hợp đưa tiền lãi, tiền phạt hoặc phí cấp tín dụng vào nợ gốc sau đó tính lãi quá hạn theo tác giả là trái pháp luật (kể cả trong trường hợp các bên có thỏa thuận). Vì về nguyên tắc tiền lãi chỉ được tính trên số nợ gốc, việc tính lãi như trên dẫn đến tình trạng bên cho vay có thể lợi dụng thỏa thuận này để thu lợi trái pháp luật làm tăng tiền lãi đáng kể.

Xử lý tiền lãi đối với hợp đồng vay ngoại tệ trái pháp luật

NHNN quản lý hoạt động ngoại tệ bằng biện pháp hành chính: quy định hạn chế, cho phép và xác định yếu tố giá theo thị trường để điều chỉnh hoặc thông qua các hoạt động mua, bán ngoại hối vì mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia. Việc quản lý đang được thực hiện theo Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 và Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối và các văn bản hướng dẫn liên quan. Cụ thể đối với việc cho vay ngoại tệ, TCTD được phép hoạt động ngoại hối cho khách hàng vay vốn bằng ngoại tệ đối với các nhu cầu vốn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng vay có ngoại tệ để trả nợ vay từ nguồn thu sản xuất - kinh doanh, mua của TCTD cho vay hoặc TCTD khác được

cam kết bằng văn bản; cho vay ngắn hạn để thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ để trả nợ vay từ nguồn thu xuất khẩu. Trường hợp khách hàng vay bằng ngoại tệ đối với nhu cầu vốn này để sử dụng trong nước, thì khách hàng vay phải bán số ngoại tệ vay đó cho TCTD cho vay theo hình thức giao dịch hối đoái giao ngay (Thông tư 07/2011/TT-NHNN ngày 24/3/2011).

Hợp đồng cho vay ngoại tệ về nguyên tắc phải phù hợp với quy định nêu trên. Trường hợp trái pháp luật tòa án phải tuyên xử vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Thực tiễn cho thấy khi giải quyết hậu quả hợp đồng vay ngoại tệ vô hiệu, có tòa án buộc bên vay trả cho bên cho vay cả gốc và lãi, có tòa án chỉ buộc trả gốc, có tòa án tịch thu khoản lãi đã trả để sung quỹ nhà nước. Theo tác giả, trong những trường hợp trên, tòa án phải giải quyết buộc bên vay trả cho bên cho vay khoản nợ gốc, còn khoản lãi mà bên cho vay đã nhận thì buộc họ nộp lại để sung vào quỹ nhà nước theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 137 BLDS năm 2005 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu.

Lãi suất chậm thi hành bản án, quyết định của tòa án

Trước khi BLDS năm 2005 có hiệu lực, lãi suất chậm thi hành án trong lĩnh vực TDNH được các tòa án thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính. Theo đó, đối với khoản tiền vay nợ theo HĐTD thì các tổ chức, cá nhân tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do NHNN quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Thông tư này đã hết hiệu lực pháp luật.

Khoản 2, Điều 305 BLDS năm 2005 quy định: “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền

chậm trả theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán ...”, do đó lãi suất chậm thi hành án phải theo lãi suất cơ bản do NHNN công bố, không phân biệt bất kỳ loại án nào như hướng dẫn tại Công văn 165/KHXX ngày 18/10/2007 của TAND Tối cao. Bên cạnh đó, pháp luật thi hành án quy định từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do NHNN công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo tác giả, việc quy định lãi chậm thi hành án như trên chưa phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực TDNH. Trên thực tiễn, các TCTD huy động vốn phải chịu lãi suất cao hơn rất nhiều so với mức lãi suất cơ bản do NHNN công bố. Trong khi đó các tòa án đều thống nhất chỉ tính lãi suất quá hạn từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến thời điểm xét xử ở cấp sơ thẩm mà không xem xét ở giai đoạn phúc thẩm (giai đoạn từ sơ thẩm đến phúc thẩm kéo dài 3-6 tháng tùy theo mức độ phức tạp từng vụ án và thái độ tích cực của những người làm công tác xét xử). Quy định lãi suất chậm thi hành án tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án tiếp tục gây thiệt hại cho các TCTD, tạo điều kiện cho bên vi phạm dây dưa kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp và không chấp hành

án; điều này hoàn toàn trái với nguyên tắc lỗi, trách nhiệm phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại của bên có lỗi trong dân sự. Đây cũng là vấn đề cần lưu ý sửa đổi, bổ sung pháp luật về lãi suất sau này.

Kết luận

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất là yêu cầu cần thiết, góp phần cùng với sự phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường, thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ nói riêng và điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước nói chung. Qua thực tiễn giải quyết tranh chấp TDNH tại tòa án, tác giả nhận thấy pháp luật về lãi suất trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều bất cập; đáng lưu ý là vận dụng quy định về lãi suất quá hạn, lãi suất chậm thi hành án... vẫn còn những quan điểm khác nhau. Bên cạnh đó, hướng dẫn của ngành ngân hàng vẫn còn chông chéo với VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. Các cơ quan liên ngành cũng chưa kịp thời phối kết hợp giải quyết vướng mắc nên việc giải quyết tranh chấp vẫn còn thiếu thống nhất, không thỏa đáng, gây giảm sút niềm tin vào tính nghiêm minh và đúng đắn của pháp luật. Để khắc phục những vấn đề trên, cần thiết phải có công trình nghiên cứu không chỉ ở khía cạnh thực tiễn mà cả vấn đề lý luận để hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong lĩnh vực này.■

Tài liệu tham khảo

1. Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam. Một số bài học cơ bản rút ra từ bản án về tranh chấp hợp đồng tín dụng liên quan đến hoạt động ngân hàng. <http://www.vnba.org.vn>.
2. Lương Khải Ân (2011). Giải quyết tốt vấn đề tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng – Một nhân tố quan trọng nhằm bảo đảm duy trì sự ổn định lành mạnh trong hệ thống hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Hội thảo quốc tế chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thị trường biến động, tr 107-118.
3. Tòa án Nhân dân Tối cao (2000). Báo cáo công tác ngành Tòa án năm 2000 và phương hướng nhiệm vụ công tác Tòa án năm 2001, tr 28.
4. Tòa án nhân dân tối cao. Sổ tay thẩm phán. <http://toaan.gov.vn>.
5. Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh (2011). Hội nghị triển khai công tác năm 2011 của ngành Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.
6. Trần Văn Biên (2005). Mấy ý kiến cho các quy định của dự thảo Bộ Luật Dân sự (sửa đổi) về hợp đồng vay tài sản. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 1(26), tr 43.
7. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, (2010). Giáo trình Luật Ngân hàng.